

Bản án số: 34/2019/HS-PT

Ngày: 28 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Xuân, Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/HS-PT ngày 30 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Trần Xuân T, Trần Minh T do có kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân T, Trần Minh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Trần Xuân T, sinh năm 1971 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân D và bà Trần Thị V; có vợ là Trương Thị L, có 05 người con, sinh các năm 1992, 1993, 1995, 1997, 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 11 tháng 7 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tuyên Hóa. Có mặt.

2. Trần Minh T, sinh ngày: 02 tháng 4 năm 1992 tại xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thái H (đã chết) và

bà Cao Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 7 năm 2018. Có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T: Ông Hoàng Khắc Chinh - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bị hại có kháng cáo:

Trần Minh T (là bị cáo trong vụ án), sinh ngày 02 tháng 4 năm 1992, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Cao Thị L, sinh năm 1955, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1959, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, (Trưởng thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt;

2. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1951, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1973, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

5. Bà Trương Thị L, sinh năm 1970, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

6. Bà Trần Thị H, sinh năm 1959, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

7. Ông Trần Văn T, sinh năm 1996, cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt một số người làm chứng nhưng các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T, Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vụ án, Hội đồng xét xử thấy các người vắng mặt đều đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và tại biên bản phiên toà sơ thẩm nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được xác định như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 16 tháng 10 năm 2017, Trần Xuân T ở thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình thuê máy đào chạy vào rẫy để đào đường khai thác gỗ keo. Khi máy đào đi qua đoạn đường thuộc đất vườn của nhà bà Cao Thị L ở cùng thôn thì Trần Minh T và Trần Văn T là con trai của bà L ra chặn máy đào lại không cho đi qua vì lý do Trần Xuân T chưa nói với gia đình bà L thì Trần Xuân T và gia đình bà L xảy ra cãi nhau. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Trần Xuân T mời ông Nguyễn Hữu T là Trưởng thôn K, xã K đến giải quyết vụ việc trên. Ông T giải thích “Đường đã giải tỏa, cấm mốc nhưng chưa đổ bê tông, cho đi hay không là quyền của họ”. Sau đó, Trần Xuân T và Trần Minh T tiếp tục cãi cọ, xúc phạm nhau. T cầm rựa từ trong nhà mình chạy ra hướng T đang đứng, theo sau là Trần Văn T và bà Cao Thị L, mỗi người cầm một que gỗ, thấy vậy, T chạy đến giật lấy cây rựa trên tay bà Phan Thị Đ là người cùng thôn đi làm keo về đang đứng gần đó rồi chạy đến chỗ T. Khi đến gần nhau, T và T tiếp tục có lời nói chửi bới, thách thức nhau. Lúc này T và T đều cầm rựa cùng xông vào nhau, đồng thời cùng vung rựa lên chém dọa nhau nhiều phát nhưng chưa ai chém trúng vào ai. Tiếp đó cả hai cùng bước tới gần nhau hơn, cùng cầm rựa bằng hai tay, T chém một nhát trúng vào cẳng tay phải của T, còn T chém trúng T một nhát vào vai trái, một nhát vào cẳng tay trái. Thấy vậy bà L cầm que gỗ chạy đến thì bị T dùng bản rựa đánh một phát trúng vào lưng của bà L. Sau đó được mọi người can ngăn, Trần Xuân T được đưa đến Trạm y tế xã K sơ cứu vết thương rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa điều trị đến ngày 24 tháng 10 năm 2017 thì ra viện. Trần Minh T và bà Cao Thị L được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa điều trị đến ngày 23 tháng 10 năm 2017 bà Cao Thị L ra viện. Trần Minh T do vết thương quá nặng nên trong ngày 16 tháng 10 năm 2017 được chuyển đến Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam – CuBa Đồng Hới điều trị, sau đó được chuyển đến Bệnh viện 108 Hà Nội điều trị, đến ngày 14 tháng 11 năm 2017 thì ra viện. Sau đó Trần Minh T đến Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa điều trị vết thương và phục hồi chức năng, đến ngày 13 tháng 12 năm 2017 thì ra viện.

Ngày 24 tháng 3 năm 2018, Trần Xuân T có đơn yêu cầu giám định mức độ tổn hại sức khỏe do Trần Minh T gây ra và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với sự việc trên. Ngày 25 tháng 3 năm 2018, Trần Minh T có đơn yêu cầu giám định mức độ tổn hại sức khỏe do Trần Xuân T gây ra và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên.

Tại bản Kết luận giám định Pháp y về thương tích số 12/TgT ngày 13 tháng 03 năm 2018 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Trần Xuân T là 04% (bốn phần trăm).

Tại bản Kết luận giám định Pháp y về thương tích số 13/TgT ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Trần Minh T là 53% (năm mươi ba phần trăm).

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã tạm giữ:

- 01 (một) cây rựa dài 80cm, có phần lưỡi bằng kim loại dài 30cm, cán bằng gỗ dài 50cm, chỗ rộng nhất 3,7cm.

- 01 (một) cây rựa dài 83cm, có phần lưỡi bằng kim loại dài 27,5cm, cán bằng gỗ dài 55,5cm, chỗ rộng nhất là 4,2cm.

- 01 (một) chiếc dép nữ bằng nhựa, màu đỏ, cỡ 11.

- 01 (một) áo sơ mi, loại áo dài tay, màu xám – ghi, có nhãn hiệu: TUNG PHUONG, trên ống tay bên phải có một vết rách dài 2,8m cách mép dưới của ống tay áo dài 15cm.

Trong quá trình điều tra, gia đình Trần Xuân T đã bồi thường thiệt hại cho bà Cao Thị L số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bà L đã nhận số tiền trên và không yêu cầu gì thêm.

Trần Minh T yêu cầu Trần Xuân T bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác trong quá trình điều trị tổng số tiền 50.193.000 đồng (năm mươi triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng) và yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần do thương tích gây nên. Gia đình Trần Xuân T đã bồi thường số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Trần Xuân T yêu cầu Trần Minh T bồi thường chi phí điều trị thương tích là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Trần Minh T đã nộp số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0003034 ngày 21 tháng 11 năm 2018 để khắc phục một phần hậu quả.

Cáo trạng số: 27/CT-VKSTH-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Trần Minh T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa có Công văn số 07 về việc đình chính nội dung truy tố đối với bị cáo Trần Xuân T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc

hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 để đảm bảo sự có lợi cho người phạm tội.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, Trần Minh T nộp cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá bảng kê yêu cầu bồi thường các khoản sau:

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi thường phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại gồm:

- Tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế ngày 16 tháng 10 năm 2017 từ Bệnh viện Tuyên Hóa vào Bệnh viện Việt Nam - CuBa Đồng Hới: 1.200.000 đồng;

- Tiền thuê xe chuyển viện từ Bệnh viện Việt Nam - CuBa Đồng Hới đến Bệnh viện 108 Hà Nội: 7.500.000 đồng;

- Tiền thuê xe chuyển từ Bệnh viện 108 Hà Nội về xã Kim Hóa: 6.500.000 đồng;

- Tiền thuốc và mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu chụp Xquang chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu, theo chỉ định của Bác sĩ: 5.000.000 đồng;

- Tiền thuốc tại Bệnh viện Tuyên Hóa: 1.000.000 đồng;

- Tiền thuốc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa Đồng Hới: 6.643.000 đồng;

- Tiền thuốc tại Bệnh viện 108: 3.000.000 đồng;

- Tiền viện phí tại Bệnh viện 108, Bệnh viện Tuyên Hóa: 10.000.000 đồng;

- Tiền mua thuốc bổ, tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho người bị hại là: 3.500.000 đồng;

- Khắc phục thẩm mỹ để hỗ trợ, thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có) là: 10.000.000 đồng;

2. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị hại: 200.000đ x 59 ngày điều trị = 11.800.000 đồng;

3. Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc nuôi dưỡng Trần Minh T trong thời gian điều trị số tiền: 5.900.000 đồng;

Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại: 250.000đ x 59 ngày điều trị = 14.750.000 đồng.

4. Chi phí điều trị người bị thiệt hại mất hoàn toàn khả năng lao động (kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi bệnh nhân hoàn toàn bình phục): 200.000đ x 30 ngày = 3.180.000 đồng;

5. Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 50 lần x 1.350.000đ = 67.500.000 đồng.

Tổng cộng tất cả các khoản chi phí là: 195.813.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

Bản án số 30/2018/HS-ST, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Xuân T, Trần Minh T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Xuân T, xử phạt bị cáo Trần Xuân T 5 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 11 tháng 7 năm 2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, các điểm b, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Minh T, xử phạt bị cáo Trần Minh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 cây rựa được bị cáo Trần Minh T dùng gây án; 01 (một) chiếc dép nữ bằng nhựa, màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi, loại áo dài tay, màu xám – ghi, có nhãn hiệu: TUNG PHUONG trên ống tay bên phải có một vết rách dài 2,8m cách mép dưới của ống tay áo dài 15cm không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bà Phan Thị Đ 01 (một) cây rựa do bị cáo Trần Xuân T sử dụng gây án được xác định của bà Phan Thị Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử buộc Trần Minh T phải bồi thường cho Trần Xuân T số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Xử buộc Trần Xuân T phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho Trần Minh T là 47.343.000 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Tuyên buộc bên phải thi hành án phải chịu lãi suất khi người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Xuân T, Trần Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự có giá ngạch: Bị cáo Trần Xuân T phải chịu 2.367.000 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Án phí dân sự có giá ngạch: Bị cáo Trần Minh T thuộc diện hộ cận nghèo năm 2018 nên được miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch.

Án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo Trần Minh T đồng thời là người bị hại trong vụ án; tuyên quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 08 tháng 01 năm 2019, bị cáo Trần Minh T kháng cáo kêu oan, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường đối với bị cáo Trần Xuân T.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, bị cáo Trần Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, bà Trương Thị L (vợ Trần Xuân T) nộp số tiền 20.000.000 đồng bồi thường cho Trần Minh T và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, Trần Minh T nộp 2.000.000 đồng bồi thường cho Trần Xuân T tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Trương Thị L vợ bị cáo Trần Xuân T giao tiếp số tiền 30.000.000 đồng bồi thường cho Trần Minh T.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Trần Xuân T, Trần Minh T khai nhận diễn biến nội dung vụ án đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm. Bị cáo Trần Xuân T thừa nhận đã dùng rựa lấy từ bà Phan Thị Đ chém gây thương tích cho Trần Minh T ngay sau khi bị cáo bị Trần Minh T dùng rựa chém trúng vào tay phải như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo rút yêu cầu khởi tố, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Minh T để vụ án không làm phức tạp thêm quan hệ giữa gia đình bị cáo và gia đình Trần Minh T.

Bị cáo Trần Minh T thừa nhận thương tích ở tay phải Trần Xuân T trong khi xảy ra là do bị cáo đã dùng rựa chém gây ra. Theo việc Trần Xuân T đã rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo nên bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Trần Xuân T; giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu bị cáo Trần Xuân T tăng bồi thường cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu khởi tố tại phiên toà phúc thẩm của bị cáo Trần Xuân T đối với Trần Minh T để căn cứ khoản 2 Điều 155 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ và đình chỉ phần Bản án sơ thẩm số 30/2018/HS- ST, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã xét xử Trần Minh T về tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị chấp nhận sự thoả thuận giữa bị

cáo và bị hại về khoản tiền Trần Xuân T phải bồi thường cho Trần Minh T tổng cộng 80.000.000 đồng. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T theo các tình tiết giảm nhẹ mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm để giảm án cho Trần Xuân T từ 24 đến 30 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo việc ngày 16 tháng 10 năm 2017, Trần Xuân T thuê máy đào vào rẫy để đào đường khai thác gỗ keo, khi đi qua đoạn đường thuộc đất vườn của nhà bà Cao Thị L ở cùng thôn thì bị các thành viên trong gia đình bà L chặn lại, không cho máy đào đi qua dẫn đến giữa Trần Xuân T và gia đình bà L cãi nhau. Sự việc được ông Nguyễn Hữu T, Trưởng thôn K, xã K đến giải quyết nhưng không có kết quả nên Trần Xuân T và Trần Minh T tiếp tục cãi cọ, xúc phạm nhau. Khi Trần Minh T cầm rựa từ trong nhà mình chạy ra hướng Trần Xuân T đang đứng, theo sau là Trần Văn T và bà Cao Thị L, mỗi người cầm một que gỗ chạy theo, gặp lúc bà Phan Thị Đ đi làm keo về, trên tay đang cầm rựa thì Trần Xuân T chạy đến giật lấy cây rựa trên tay bà Đ xông về phía Trần Xuân T, cả hai cùng vung rựa lên chém dọ nhau nhiều phát. Tiếp đó cả hai cùng bước tới gần nhau, cùng cầm rựa bằng hai tay, cùng chém về phía nhau. Tuy trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm Trần Minh T chỉ thừa nhận trong khi xô ẩu bị cáo có dùng rựa chém về phía Trần Xuân T nhưng không trúng T, vết thương trên tay phải T có thể do khi cả hai cùng cầm rựa xông vào nhau, rựa của T bị rơi trúng vào tay T gây thương tích cho Trần Xuân T nhưng tại phiên toà phúc thẩm Trần Minh T đã thừa nhận thương tích trên tay Trần Xuân T là do mình gây ra. Xét lời khai tại phiên toà phúc thẩm của Trần Minh T phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Kết luận giám định pháp y thương tích của Cơ quan chuyên môn, kết quả thực nghiệm điều tra, lời khai của bị cáo Trần Xuân T, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ khẳng định thương tích 04% trên tay phải của Trần Xuân T là do Trần Minh T trong khi xô ẩu dùng rựa chém gây ra.

Ngay sau khi Trần Minh T dùng rựa chém trúng vào tay phải Trần Xuân T, Trần Minh T vừa quay lưng bỏ chạy thì bị Trần Xuân T dùng rựa chém 1 nhát trúng vào vai trái, một nhát vào cẳng tay trái, tiếp đến Trần Xuân T dùng bản rựa đánh một cái trúng vào lưng của bà L. Việc đánh, chém nhau chấm dứt khi được mọi người can ngăn, Trần Xuân T được đưa đến Trạm y tế xã Kim Hóa sơ cứu vết thương rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa điều trị đến ngày 24

tháng 10 năm 2017 thì ra viện. Trần Minh T và bà Cao Thị L được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa điều trị đến ngày 23 tháng 10 năm 2017 bà Cao Thị L ra viện. Trần Minh T do vết thương quá nặng nên trong ngày 16 tháng 10 năm 2017 được chuyển đến Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới điều trị, sau đó được chuyển đến Bệnh viện 108 Hà Nội điều trị, đến ngày 14 tháng 11 năm 2017 thì ra viện.

Trần Minh T được trưng cầu giám định, Kết luận giám định Pháp y về thương tích số 13/TgT ngày 13/03/2018 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y Sở y tế tỉnh Quảng Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Trần Minh T là 53%.

Theo thương tích được Cơ quan chuyên môn giám định kết luận đối với Trần Minh T 53%, Trần Xuân T 04%, hung khí được các bị cáo sử dụng khi gây án, Bản án số 30/2018/HS-ST, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Xuân T, Trần Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội đối với các bị cáo.

[1]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Minh T kêu oan, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và kháng cáo của Trần Minh T đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường đối với bị cáo Trần Xuân T, Hội đồng xét xử thấy.

Theo các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ khẳng định thương tích 04% trên tay phải của Trần Xuân T là do Trần Minh T dùng rựa chém trong khi xâu ẩu gây ra. Bản án số 30/2018/HS- ST, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa quyết định tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội: “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội đối với Trần Minh T.

Bị cáo Trần Minh T thực hiện hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực nhưng được xét xử khi Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, do quy định của điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật Hình sự năm 1999) không thay đổi so với điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên bị cáo bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Trần Xuân T đã rút yêu cầu khởi tố, đề nghị không xử lý hình sự đối với Trần Minh T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 155 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự được Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng tại Công văn số

254/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 để huỷ và đình chỉ phần Bản án sơ thẩm số 30/2018/HS- ST, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã xét xử đối với Trần Minh T về tội “Cố ý gây thương tích”. Việc đình chỉ xét xử trong trường hợp này là do tại phiên toà phúc thẩm, người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố vụ án chứ không phải do Toà án cấp sơ thẩm xét xử sai đối với Trần Minh T.

Tuy đơn kháng cáo của Trần Minh T có nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Xuân T nhưng tại phiên toà phúc thẩm Trần Minh T đã thay đổi kháng cáo, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Xuân T, theo tình tiết, nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy nguyên nhân vụ án xảy ra và hậu quả Trần Minh T gây thương tích cho Trần Xuân T 4%; Trần Xuân T gây thương tích cho Trần Minh T 53% do cả hai bên đều có lỗi, không tự kiểm chế mình, trong đó Trần Xuân T tuy là người được xác định gây thương tích cho Trần Minh T 53% nhưng hành vi được thực hiện do bức xúc thiếu kiểm chế sau khi bị Trần Minh T chém vào tay phải. Theo tình tiết vụ án, hậu quả Trần Minh T bị Trần Xuân T chém 2 nhát gây thương tích 53%, sau khi phạm tội có bồi thường 6.000.000 đồng, Bản án sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Xuân T, xử phạt bị cáo Trần Xuân T 5 (năm) năm tù là có phần nghiêm khắc. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân T đã có ý kiến đề gia đình bồi thường thêm cho Trần Minh T 20.000.000 đồng, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Trần Xuân T đã có ý kiến đề vợ mình giao số tiền 30.000.000 đồng bồi thường cho Trần Minh T và rút yêu cầu khởi tố đối với Trần Minh T, được Trần Minh T là người có kháng cáo rút yêu cầu tăng hình phạt và đề nghị giảm hình phạt đối với Trần Xuân T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét tăng hình phạt đối với Trần Xuân T.

Về nội dung kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử thấy Bản án sơ thẩm buộc bị cáo Trần Xuân T bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Trần Minh T với số tiền 53.343.000 đồng trên tổng số tiền Trần Minh T kê khai yêu cầu bồi thường 195.813.000 đồng là chỉ mới xem xét các thiệt hại thực tế đã chi phí và khoản tiền tổn thất tinh thần bằng 15 tháng lương tối thiểu, chưa xem xét khoản tiền thu nhập Trần Minh T bị mất sau khi ra viện không làm được việc để nuôi sống mình, chưa xem xét khoản cấp dưỡng để Trần Minh T phục hồi sức khỏe sau khi ra viện còn phải điều trị phục hồi chức năng theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên toà phúc thẩm sau khi hoà giải, Trần Xuân T đã chấp nhận bồi thường cho Trần Minh T với số tiền tổng cộng 80.000.000 đồng, được khấu trừ 6.000.000 đồng đã bồi thường trong giai đoạn điều tra, còn phải bồi thường tiếp 74.000.000 đồng. Theo đó để Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án

sơ thẩm về tổng số tiền bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường cho Trần Minh T theo thoả thuận tại phiên toà phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Trần Xuân T thực hiện hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực nhưng được xét xử khi Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, do quy định của khoản 3 Điều 134 theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi hơn đối với người phạm tội nên khoản 3 Điều 134 theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được Bản sơ thẩm áp dụng để xét xử đối với bị cáo là đúng.

Xét Trần Xuân T đã dùng rựa là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Trần Minh T 53%, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện ngay sau khi bị cáo bị Trần Minh T dùng rựa chém trúng vào tay phải nên không đủ bình tĩnh để kiềm chế bức xúc theo việc trước đó đã xảy ra xô ẩu thách đố đánh nhau từ việc gia đình Trần Minh T không cho Trần Xuân T đưa máy đào đi qua đoạn đường thuộc vườn nhà của Trần Minh T đã giải toả nhưng chưa đổ bê tông. Sau khi phạm tội bị cáo đã có ý kiến đề gia đình bồi thường cho Trần Minh T 6.000.000 đồng, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã có ý kiến đề gia đình bồi thường tiếp 20.000.000 đồng, tại phiên toà phúc thẩm gia đình bị cáo giao số tiền 30.000.000 đồng bồi thường cho Trần Minh T, bị cáo đã rút yêu cầu khởi tố đối với Trần Minh T và chấp nhận bồi thường toàn bộ thiệt hại 80.000.000 đồng theo thoả thuận cho bị hại, được bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ. Theo các tình tiết giảm nhẹ mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo, giảm án cho bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp.

Số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo Trần Xuân T đã nộp ở Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá sau khi xét xử sơ thẩm; Số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo Trần Xuân T giao bồi thường cho Trần Minh T tại phiên toà phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại theo quyết định của Bản án phúc thẩm.

Số tiền 2.400.000 đồng, Trần Minh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa để bồi thường cho Trần Xuân T theo Quyết định của Bản án sơ thẩm trước và sau khi xét xử sơ thẩm được bù trừ vào số tiền bị cáo Trần Xuân T còn phải bồi thường cho Trần Minh T theo quyết định của Bản án phúc thẩm nên được nhận lại số tiền 2.400.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá.

Sau khi khấu trừ theo số tiền bị cáo Trần Xuân T đã bồi thường 56.000.000 đồng và bù trừ số tiền 2.400.000 đồng Trần Minh T nộp bồi thường cho Trần Xuân T, bị cáo Trần Xuân T còn phải bồi thường tiếp cho Trần Minh T số tiền 21.600.000 đồng.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm, án phí dân sự phúc thẩm đối với các bị cáo.

Do phần Bản án sơ thẩm đối với Trần Minh T về tội “Cố ý gây thương tích” bị huỷ và đình chỉ xét xử nên Trần Minh T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Phần kháng cáo của Trần Minh T yêu cầu tăng bồi thường được chấp nhận, bị cáo Trần Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được chấp nhận, nên chỉ có bị cáo Trần Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo số tiền phải bồi thường cho Trần Minh T. Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải sửa án phí hình sự sơ thẩm đối với Trần Minh T; sửa án phí dân sự theo số tiền bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường cho Trần Minh T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 155; Điều 359; các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận việc tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Trần Xuân T rút yêu cầu khởi tố, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Minh T để huỷ phần Bản án sơ thẩm số 30/2018/HS- ST, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hóa đối với Trần Minh T và đình chỉ phần xét xử đối với Trần Minh T về tội “Cố ý gây thương tích”.

Chấp nhận phần kháng cáo của Trần Minh T yêu cầu tăng bồi thường để sửa phần dân sự của Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Xuân T và Trần Minh T tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân T phải bồi thường cho Trần Minh T tổng thiệt hại với số tiền 80.000.000 đồng, được khấu trừ 6.000.000 đồng đã bồi thường trong giai đoạn điều tra, còn phải bồi thường 74.000.000 đồng.

Số tiền bồi thường 20.000.000 đồng gia đình bị cáo Trần Xuân T nộp bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá theo Biên lai thu tiền số AA/2015 No 0003040 ngày 18 tháng 02 năm 2019 cùng với số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo giao bồi thường cho Trần Minh T tại phiên toà phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường theo quyết định của Bản án phúc thẩm.

2. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Xuân T để sửa phần hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Xuân T.

Áp dụng điểm c khoản 3 theo điểm a khoản 1 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Trần Xuân T, xử phạt bị cáo Trần Xuân T **03 (ba) năm tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 11 tháng 7 năm 2018.

Số tiền 400.000 đồng Trần Minh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0003034 ngày 21 tháng 11 năm 2018; Số tiền 2.000.000 đồng Trần Minh T nộp ở Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá theo biên lai số 0003044 ngày 15 tháng 3 năm 2019 để khắc phục hậu quả cho Trần Xuân T được bù trừ vào số tiền bị cáo Trần Xuân T còn phải bồi thường cho Trần Minh T theo quyết định của Bản án phúc thẩm nên Trần Minh T được nhận lại số tiền 2.400.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá.

Sau khi khấu trừ theo số tiền bị cáo Trần Xuân T đã bồi thường và bù trừ số tiền Trần Minh T nộp bồi thường cho Trần Xuân T, bị cáo Trần Xuân T còn phải bồi thường tiếp cho Trần Minh T số tiền 21.600.000 đồng.

3. Sửa Bản án sơ thẩm về án phí, Trần Minh T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nhưng phải chịu 3.700.000 đồng án phí dân sự.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về quyền thi hành án dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (28 tháng 3 năm 2019).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Phòng PV27-CAQB;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Xuân Việt